TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng
2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim A,** sinh năm: 1976; Địa chỉ: K282/16 đường L, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Đỗ E**, sinh năm: 1971; Địa chỉ: K282/16 đường L, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A kết hôn với ông Đỗ E vào năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tính và quan điểm sống của ông bà không hợp nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vả, to tiếng. Nay bà A thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông E.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định bà và ông Đỗ E có 01 (một) con chung là Đỗ Phú H, sinh năm 2002. Con chung đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định không có.

**Ông Đỗ E không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm quy định về thời hạn gửi hồ sơ vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Đỗ E. Con chung Đỗ Phú H, sinh năm 2002 đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết. Án phí HNGĐ-ST bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là ông Đỗ E có địa chỉ cư trú tại K282/16 đường L thuộc phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Đỗ E nhưng ông E vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

*Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Đỗ E đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 4 năm 2000 tại Ủy ban nhan dân phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông E là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với ông Đỗ E. Bà A cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến đến cuộc sống không hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Mối quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi cả hai vợ chồng cùng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình, cùng nhau có trách nhiệm, chăm sóc cũng như tạo mọi điều kiện cho nhau trong cuộc sống. Trong quá trình chung sống, bà A và ông Em có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm cần thiết. Mặc dù kết quả xác minh tại địa phương không xác định được ông bà có mâu thuẫn hay không, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông E đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông E không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định bà và ông Đỗ E có 01 (một) con chung là: Đỗ Phú H – sinh năm 2002. Con chung đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A đối với ông Đỗ E về việc "*Ly hôn* ".

Tuyên xử:

1. Cho bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn ông Đỗ E.

- Về con chung: Con chung Đỗ Phú H, sinh năm 2002 đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim A xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002650 ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/8/2022). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường C
(Giấy CNKH số 29, ngày 03/4/2000);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Bảo Huyền Trân